

Số: 309/BC-TCTK

Hà Nội, ngày 28 tháng 11 năm 2017

BÁO CÁO **TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI** **THÁNG 11 VÀ 11 THÁNG NĂM 2017**

1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

a. Nông nghiệp

Sản xuất nông nghiệp trong tháng tập trung chủ yếu vào thu hoạch lúa, hoa màu vụ mùa trên cả nước, gieo trồng cây màu vụ đông tại các địa phương phía Bắc. Tính đến trung tuần tháng Mười Một, cả nước đã thu hoạch được 1.232,5 nghìn ha lúa mùa, chiếm 69,9% diện tích gieo cấy và bằng 99,4% cùng kỳ năm trước, trong đó các địa phương phía Bắc thu hoạch 1.106,3 nghìn ha, chiếm 97,6% và bằng 98,5%; các địa phương phía Nam thu hoạch 126,2 nghìn ha, chiếm 20% và bằng 107%.

Sản xuất lúa mùa ở miền Bắc năm nay gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của thời tiết và sâu bệnh, mưa lớn trên diện rộng đúng thời kỳ xuống giống, bệnh lùn sọc đen lây lan gây hại suốt thời kỳ lúa sinh trưởng, cuối vụ tiếp tục chịu tác động của hai cơn bão số 10, số 11 gây ngập, lụt nghiêm trọng. Diện tích lúa mùa của miền Bắc năm nay ước tính đạt 1.133,9 nghìn ha, giảm 18,7 nghìn ha so với năm trước, chủ yếu do các địa phương chuyển một phần diện tích trồng lúa sang sử dụng cho mục đích khác¹. Một số địa phương có diện tích lúa mùa giảm nhiều: Hà Nội giảm 4,7 nghìn ha; Nghệ An giảm 3 nghìn ha; Thanh Hóa giảm 2,2 nghìn ha; Hưng Yên giảm 2 nghìn ha; Bắc Giang, Hải Phòng, Bắc Ninh, Sơn La mỗi địa phương giảm trên 1 nghìn ha. Theo báo cáo sơ bộ, năng suất lúa mùa năm nay tại các địa phương phía Bắc ước tính đạt 46,1 tạ/ha, giảm 3,8 tạ/ha so với vụ mùa năm trước; sản lượng đạt 5,2 triệu tấn, giảm 527,1 nghìn tấn, riêng vùng Đồng bằng sông Hồng giảm 455,8 nghìn tấn, trong đó một số địa phương giảm mạnh: Nam Định giảm 130,2 nghìn tấn; Thái Bình giảm 107,3 nghìn tấn; Hải Dương giảm 63,7 nghìn tấn; Hà Nội giảm 46,4 nghìn tấn. Tại các tỉnh phía Nam, diện tích gieo cấy lúa mùa đạt 629,6 nghìn ha, tăng

¹ Trong đó: Diện tích chuyển sang đất phi nông nghiệp (xây dựng hạ tầng, công trình thủy lợi...) là 4 nghìn ha; chuyển sang trồng cây hàng năm khác là 3,7 nghìn ha; chuyển sang trồng cây lâu năm là 2,4 nghìn ha; chuyển sang nuôi trồng thủy sản là 1,6 nghìn ha; diện tích đất bỏ hoang là 2,9 nghìn ha và 1,9 nghìn ha không thể gieo trồng do ảnh hưởng của mưa bão đầu vụ...

1,2 nghìn ha so với cùng kỳ năm trước; năng suất ước tính đạt 47 tạ/ha, tăng 3,1 tạ/ha; sản lượng đạt gần 3 triệu tấn, tăng 199,8 nghìn tấn. Tính chung cả nước, diện tích gieo cấy lúa mùa năm nay ước tính đạt 1.763,5 nghìn ha, giảm 17,5 nghìn ha so với vụ mùa năm trước; năng suất đạt 46,4 tạ/ha, giảm 1,4 tạ/ha; sản lượng đạt gần 8,2 triệu tấn, giảm 327,3 nghìn tấn.

Tính đến thời điểm 15/11/2017, các địa phương vùng Đồng bằng sông Cửu Long gieo cấy được 769,4 nghìn ha lúa thu đông, bằng 99,6% cùng kỳ năm trước. Đến nay toàn vùng đã thu hoạch được 442,1 nghìn ha lúa thu đông, chiếm 57,4% diện tích gieo cấy và bằng 93,9% cùng kỳ năm trước. Tiến độ thu hoạch lúa thu đông chậm hơn so với cùng kỳ năm trước do đầu vụ mưa nhiều, nước lũ về sớm và dâng cao, đồng thời năm nay nhuận 2 tháng 6 âm lịch nên thời gian xuống giống vụ hè thu kéo dài, làm ảnh hưởng tới thời gian xuống giống vụ thu đông. Năng suất toàn vụ ước tính đạt 52,2 tạ/ha, tăng 1,8 tạ/ha so với vụ thu đông năm trước; sản lượng ước tính đạt 4 triệu tấn, tăng 3,2%. Cũng tính đến thời điểm trên, các địa phương phía Nam đã gieo sạ được 223,1 nghìn ha lúa đông xuân sớm, bằng 57,5% cùng kỳ năm trước, trong đó vùng Đồng bằng sông Cửu Long gieo sạ được 221,3 nghìn ha, bằng 61,5%.

Gieo trồng cây vụ đông năm nay giảm nhiều so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu do hiệu quả kinh tế không cao và ảnh hưởng của mưa, bão đầu vụ, nhiều diện tích bị ngập úng không gieo trồng được. Tính đến thời điểm 15/11/2017, cả nước gieo trồng được 95,3 nghìn ha ngô, bằng 79% cùng kỳ năm trước; 19,2 nghìn ha khoai lang, bằng 66,2%; 7,3 nghìn ha đậu tương, bằng 41,2%; 6,2 nghìn ha lạc, bằng 98,4%; 132,5 nghìn ha rau đậu, bằng 86,4%.

Chăn nuôi trâu, bò và gia cầm nhìn chung ổn định, riêng chăn nuôi lợn còn gặp khó khăn do thị trường tiêu thụ trong tháng chưa có nhiều chuyển biến, giá thịt lợn vẫn ở mức thấp khiến quy mô đàn tiếp tục xu hướng giảm. Theo kết quả điều tra chăn nuôi, tại thời điểm 1/10/2017, đàn trâu cả nước có 2,5 triệu con, giảm 1,1% so với cùng thời điểm năm 2016; đàn bò có 5,6 triệu con, tăng 2,6%; đàn lợn có 27,3 triệu con, giảm 6,2%; đàn gia cầm có 385,2 triệu con, tăng 6,5%.

Tính đến thời điểm 26/11/2017 cả nước không còn dịch cúm gia cầm và dịch lợn tai xanh; dịch lở mồm long móng chưa qua 21 ngày còn ở Hà Tĩnh và Đắk Lắk.

b. Lâm nghiệp

Trong tháng Mười Một, diện tích rừng trồng tập trung ước tính đạt 24,5 nghìn ha, tăng 2,1% so với cùng kỳ năm trước; số cây lâm nghiệp trồng phân tán đạt 4,3 triệu cây, tương đương cùng kỳ năm trước; sản lượng gỗ khai thác đạt 986 nghìn m³, tăng 10,4%; sản lượng củi khai thác đạt gần 1,5 triệu ste, giảm 3,3%. Sản lượng gỗ khai thác trong tháng tăng cao do nhiều diện tích rừng trồng đến kỳ khai thác và tận thu từ diện tích đổ gãy sau bão số 10 tại các

tỉnh miền Trung, trong đó: Hà Tĩnh đạt 54,5 nghìn m³, gấp 3,4 lần cùng kỳ năm trước; Thanh Hóa 49,2 nghìn m³, tăng 8,6%; Nghệ An 47,3 nghìn m³, tăng 19,5%; Quảng Bình 34,5 nghìn m³, tăng 51,3%. Tính chung 11 tháng, diện tích rừng trồng tập trung ước tính đạt 207,5 nghìn ha, tăng 0,7% so với cùng kỳ năm trước; số cây lâm nghiệp trồng phân tán đạt 93,1 triệu cây, tăng 0,1%; sản lượng gỗ khai thác đạt 9.758 nghìn m³, tăng 7,6%; sản lượng củi khai thác đạt 24,2 triệu ste, tương đương cùng kỳ năm 2016.

Trong tháng, thời tiết mưa nhiều nên không xảy ra hiện tượng cháy rừng, cả nước có 123 ha rừng bị thiệt hại do chặt, phá. Tính chung 11 tháng, diện tích rừng bị thiệt hại là 1.489 ha, giảm 56% so với cùng kỳ năm trước, trong đó diện tích rừng bị cháy là 471 ha, giảm 79,8%; diện tích rừng bị chặt, phá là 1.018 ha, giảm 3,1%.

c. Thủy sản

Sản lượng thủy sản tháng Mười Một ước tính đạt 677,6 nghìn tấn, tăng 7,6% so với cùng kỳ năm trước, trong đó cá đạt 485,3 nghìn tấn, tăng 7,8%; tôm đạt 91,7 nghìn tấn, tăng 12,2%; thủy sản khác đạt 100,6 nghìn tấn, tăng 4%.

Sản lượng thủy sản nuôi trồng trong tháng ước tính đạt 381,8 nghìn tấn, tăng 11,9% so với cùng kỳ năm trước, trong đó cá đạt 260,8 nghìn tấn, tăng 13%; tôm đạt 78,1 nghìn tấn, tăng 14%. Nuôi cá tra gặp thuận lợi do nhu cầu thu mua làm nguyên liệu chế biến phục vụ cho đơn hàng xuất khẩu của các nhà máy thủy sản tăng lên, giá cá tra thương phẩm tăng từ 1.500-2.000 đồng/kg so với tháng trước². Sản lượng cá tra trong tháng ước tính đạt 101,9 nghìn tấn, tăng 12% so với cùng kỳ năm trước, trong đó An Giang đạt 26,5 nghìn tấn, tăng 6,9%; Đồng Tháp 25,5 nghìn tấn, tăng 31,9%; Cần Thơ 15,5 nghìn tấn, tăng 1,7%. Nuôi tôm nước lợ khá thuận lợi do thời tiết đang vào mùa mưa, độ mặn giảm giúp tôm phát triển tốt, giá tôm ổn định và ở mức cao. Sản lượng tôm nước lợ trong tháng ước tính đạt 74 nghìn tấn, tăng 13,5% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Tôm sú đạt 23,2 nghìn tấn, tăng 1,3%; tôm thẻ chân trắng đạt 50,8 nghìn tấn, tăng 20,1%.

Thời tiết trong tháng không thuận cho hoạt động khai thác thủy sản, nhất là khai thác biển do nhiều bão, áp thấp xảy ra trên biển đông, đồng thời do hậu quả của bão số 12, nhiều tàu thuyền đánh cá bị hư hỏng, chưa kịp sửa chữa nên ngư dân không thể ra khơi. Sản lượng thủy sản khai thác trong tháng của cả nước ước tính đạt 295,8 nghìn tấn, tăng 2,4% so với cùng kỳ năm trước, trong đó cá đạt 224,5 nghìn tấn, tăng 2,3%; tôm đạt 13,6 nghìn tấn, tăng 3%. Riêng sản lượng khai thác biển đạt 277,5 nghìn tấn, tăng 1,8%, trong đó cá đạt 212,7 nghìn tấn, tăng 2%; tôm đạt 12,5 nghìn tấn, tăng 2,5%.

² Cá tra thương phẩm hiện nay có giá bán từ 28.000-30.000 đồng/kg.

Tính chung 11 tháng, sản lượng thủy sản ước tính đạt 6.478,3 nghìn tấn, tăng 4,8% so với cùng kỳ năm trước, trong đó sản lượng thủy sản nuôi trồng đạt 3.422,3 nghìn tấn, tăng 5,1%; sản lượng thủy sản khai thác đạt 3.056 nghìn tấn, tăng 4,5% (sản lượng thủy sản khai thác biển đạt 2.874,5 nghìn tấn, tăng 4,6%).

2. Sản xuất công nghiệp

Sản xuất công nghiệp tiếp tục tăng cao so với cùng kỳ năm trước. Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tháng Mười Một ước tính tăng 17,2% so với cùng kỳ năm 2016, trong đó ngành chế biến, chế tạo tăng cao ở mức 24,3%; sản xuất và phân phối điện tăng 13%; cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 10%; riêng ngành khai khoáng giảm 4,1%.

Tính chung 11 tháng năm 2017, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tăng 9,3% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn mức tăng 8,7% của 10 tháng năm nay và cao hơn nhiều mức tăng 7,4% của cùng kỳ năm 2016³. Trong các ngành công nghiệp, ngành chế biến, chế tạo tiếp tục tăng cao với mức tăng 14,4%, đóng góp 10,1 điểm phần trăm vào mức tăng chung; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 9,6%, đóng góp 0,6 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 7,7%, đóng góp 0,1 điểm phần trăm; ngành khai khoáng giảm 7,1%, làm giảm 1,5 điểm phần trăm mức tăng chung.

Trong các ngành công nghiệp cấp II, một số ngành có chỉ số sản xuất 11 tháng tăng cao so với cùng kỳ năm trước: Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 31,5%⁴; sản xuất kim loại tăng 15,4%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 13,7%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị) tăng 13,2%, đây là những ngành có tốc độ tăng cao trong những tháng gần đây, đóng góp chủ yếu vào mức tăng trưởng cao của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong những tháng cuối năm. Một số ngành có mức tăng thấp hoặc giảm: Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 4,7%; khai khoáng khác (chủ yếu khai thác đá, cát, sỏi) tăng 3,9%; sản xuất xe có động cơ giảm 0,2%; khai thác than cứng, than non và sản xuất sản phẩm thuốc lá cùng giảm 1%; khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên giảm 9%.

Trong 11 tháng năm nay, một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tăng cao so với cùng kỳ năm trước: Ti vi tăng 30,1%; sắt, thép thô tăng 26,7%; thép cán tăng 16,9%; vải dệt từ sợi tự nhiên tăng 14,5%; phân urê tăng 13,4%. Một số sản phẩm tăng thấp hoặc giảm: Vải dệt từ sợi tổng hợp hoặc sợi nhân tạo tăng 3,6%; thuốc lá điều tăng 1%; giày, dép da tăng 0,8%; than đá giảm 1%; ô tô giảm 6,3%; khí đốt thiên nhiên dạng khí giảm 7,2%; khí hóa lỏng (LPG) giảm 9,5%; dầu thô khai thác giảm 10,6%.

³ 11 tháng năm 2016 ngành khai khoáng giảm 5,8%; ngành chế biến, chế tạo tăng 11%; sản xuất và phân phối điện tăng 11,6%; cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 7%.

⁴ Trong đó, tháng 8/2017 tăng 46,5% so với cùng kỳ năm trước; tháng 9/2017 tăng 62%; tháng 10/2017 tăng 70,1% và tháng 11/2017 tăng 56,9%.

Chỉ số sản xuất công nghiệp 11 tháng so với cùng kỳ năm trước của một số địa phương có quy mô công nghiệp lớn như sau: Bắc Ninh tăng 35,5%; Hải Phòng tăng 20%; Thái Nguyên tăng 18,3%; Bình Dương tăng 10,4%; Hải Dương tăng 9,6%; Đà Nẵng tăng 9,5%; Đồng Nai tăng 8,6%; thành phố Hồ Chí Minh tăng 7,9%; Vĩnh Phúc tăng 7,5%; Cần Thơ tăng 7,2%; Hà Nội tăng 7%; Quảng Ninh tăng 3,1%; Bà Rịa - Vũng Tàu giảm 3,8%; Quảng Nam giảm 4,8%.

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 10/2017 tăng 0,8% so với tháng trước và tăng 18,2% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 10 tháng, chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 12,6% so với 10 tháng năm 2016 (cùng kỳ năm trước tăng 8,3%), trong đó một số ngành có chỉ số tiêu thụ tăng cao: Dệt tăng 30,5%; sản xuất kim loại tăng 26,6%; sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu tăng 23,7%; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 18,7%; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế tăng 18,2%; sản xuất trang phục tăng 15,4%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 15,3%. Một số ngành có chỉ số tiêu thụ tăng thấp: Sản xuất thiết bị điện tăng 6,5%; sản xuất sản phẩm thuốc lá tăng 5,2%; sản xuất xe có động cơ tăng 4,3%.

Chỉ số tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tại thời điểm 1/11/2017 tăng 9,3% so với cùng thời điểm năm trước (cùng thời điểm năm 2016 tăng 8,8%), trong đó một số ngành có chỉ số tồn kho tăng thấp hơn mức tăng chung hoặc giảm: Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị) tăng 5,7%; sản xuất, chế biến thực phẩm tăng 3,9%; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế tăng 3,2%; dệt tăng 1,2%; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 0,1%; sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu giảm 1,8%; sản xuất các sản phẩm từ cao su và plastic giảm 21,7%. Một số ngành có chỉ số tồn kho tăng cao so với mức tăng chung: Sản xuất đồ uống tăng 48,2%; sản xuất xe có động cơ tăng 46,9%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác (chủ yếu là xi măng) tăng 28,3%; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 21,2%; sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất tăng 19,3%.

Tỷ lệ tồn kho toàn ngành chế biến, chế tạo bình quân 10 tháng năm 2017 là 65,6% (cùng kỳ năm trước là 66,9%), trong đó một số ngành có tỷ lệ tồn kho cao: Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu 116,1%; sản xuất xe có động cơ 84,4%; sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất 84,3%; sản xuất, chế biến thực phẩm 75,1%.

Số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tại thời điểm 1/11/2017 tăng 5% so với cùng thời điểm năm trước, trong đó lao động khu vực doanh nghiệp Nhà nước giảm 0,5%; doanh nghiệp ngoài Nhà nước tăng 3,2%; doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng 7%. Tại thời điểm trên, số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp ngành khai khoáng giảm 5,6% so với cùng thời điểm năm trước; ngành chế biến, chế tạo tăng 5,5%; ngành sản xuất và phân phối điện giảm 1,6%; ngành cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải giảm 0,1%.

Lao động trong các doanh nghiệp tại thời điểm 1/11/2017 so với cùng thời điểm năm trước của một số địa phương có quy mô công nghiệp lớn như sau: Bắc Ninh tăng 20,3%; Đà Nẵng tăng 17,2%; Hải Dương tăng 8,7%; Vĩnh Phúc tăng 7,6%; Thái Nguyên tăng 7,4%; Hải Phòng tăng 6,6%; Đồng Nai tăng 4,2%; Hà Nội tăng 3,5%; Bình Dương tăng 3%; Cần Thơ tăng 2,4%; thành phố Hồ Chí Minh tăng 0,6%; Bà Rịa - Vũng Tàu tăng 0,5%; Quảng Nam tăng 0,3%; Quảng Ninh giảm 2,2%.

3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp⁵

Trong tháng Mười Một, cả nước có 10.920 doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký là 109,9 nghìn tỷ đồng, giảm 2,1% về số doanh nghiệp và giảm 7,8% về số vốn đăng ký so với tháng trước⁶; vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp đạt 10,1 tỷ đồng, giảm 5,8%; tổng số lao động đăng ký trong tháng của các doanh nghiệp thành lập mới gần 88,6 nghìn người, giảm 1,5%.

Trong tháng, cả nước có 1.338 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, tăng 0,7% so với tháng trước; có 5.314 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động (bao gồm: 1.567 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh có thời hạn và 3.747 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động không đăng ký hoặc chờ giải thể), tăng 31,4%; có 1.020 doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, giảm 3,6%.

Tính chung 11 tháng năm nay, cả nước có 116.045 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng vốn đăng ký là 1.131,8 nghìn tỷ đồng, tăng 14,1% về số doanh nghiệp và tăng 41,9% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ năm 2016; vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới đạt 9,8 tỷ đồng, tăng 24,3%⁷. Nếu tính cả 1.582,6 nghìn tỷ đồng của hơn 32,2 nghìn lượt doanh nghiệp thay đổi tăng vốn thì tổng số vốn đăng ký bổ sung vào nền kinh tế trong 11 tháng năm 2017 là 2.714,4 nghìn tỷ đồng. Bên cạnh đó, còn có 24.349 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, giảm 0,9% so với cùng kỳ năm trước, nâng tổng số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới và doanh nghiệp quay trở lại hoạt động trong 11 tháng lên 140,4 nghìn doanh nghiệp. Tổng số lao động đăng ký của các doanh nghiệp thành lập mới trong 11 tháng là 1.065 nghìn người, giảm 8% so với cùng kỳ năm trước.

Theo ngành nghề kinh doanh chính, trong 11 tháng năm 2017 có 41,6 nghìn doanh nghiệp thành lập mới trong ngành bán buôn, bán lẻ (chiếm 35,9% tổng số doanh nghiệp thành lập mới), tăng 15,7% so với cùng kỳ năm trước;

⁵ Nguồn: Hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia, Cục Quản lý đăng ký kinh doanh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

⁶ So với cùng kỳ năm trước, số doanh nghiệp tăng 10,1%; số vốn đăng ký tăng 26,2%; vốn đăng ký bình quân 1 doanh nghiệp tăng 14,7%.

⁷ 11 tháng năm 2016, số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới tăng 17,1% so với cùng kỳ năm trước; số vốn đăng ký tăng 48,1%; vốn đăng ký bình quân 1 doanh nghiệp tăng 26,5%.

14,8 nghìn doanh nghiệp công nghiệp chế biến, chế tạo (chiếm 12,8%), tăng 8,3%; 14,7 nghìn doanh nghiệp xây dựng (chiếm 12,7%), tăng 9,1%; 8,7 nghìn doanh nghiệp khoa học, công nghệ, dịch vụ tư vấn, thiết kế, quảng cáo và chuyên môn khác (chiếm 7,5%), tăng 10,9%; 6,2 nghìn doanh nghiệp dịch vụ việc làm, du lịch, cho thuê máy móc thiết bị, đồ dùng và các dịch vụ hỗ trợ khác (chiếm 5,3%), tăng 21,2%; 5,7 nghìn doanh nghiệp dịch vụ lưu trú và ăn uống (chiếm 4,9%), tăng 16,9%; 4,5 nghìn doanh nghiệp kinh doanh bất động sản (chiếm 3,9%), tăng 60,5%; 3,2 nghìn doanh nghiệp giáo dục và đào tạo (chiếm 2,7%), tăng 23,2%...

Trong 11 tháng năm nay, số doanh nghiệp thành lập mới tại các vùng trong cả nước đều tăng so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Vùng Đông Nam Bộ có 49,2 nghìn doanh nghiệp, tăng 13% (vốn đăng ký 579,2 nghìn tỷ đồng, tăng 73%); Đồng bằng sông Hồng 34,9 nghìn doanh nghiệp, tăng 13,2% (vốn đăng ký 271,6 nghìn tỷ đồng, giảm 0,6%); Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung 15,7 nghìn doanh nghiệp, tăng 14,5% (vốn đăng ký 147,9 nghìn tỷ đồng, tăng 80,7%); Đồng bằng sông Cửu Long 8,3 nghìn doanh nghiệp, tăng 14,5% (vốn đăng ký 60,3 nghìn tỷ đồng, tăng 17,3%); Trung du và miền núi phía Bắc 4,9 nghìn doanh nghiệp, tăng 26,8% (vốn đăng ký 50,8 nghìn tỷ đồng, tăng 26,5%); Tây Nguyên 3 nghìn doanh nghiệp, tăng 21,9% (vốn đăng ký 22 nghìn tỷ đồng, tăng 34,6%).

Số doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể trong 11 tháng năm 2017 là 10.814 doanh nghiệp, tăng 3,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó 9.905 doanh nghiệp có quy mô vốn dưới 10 tỷ đồng, chiếm 91,6%. Nếu phân theo loại hình doanh nghiệp, trong tổng số doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, có 4.627 công ty trách nhiệm hữu hạn 1 thành viên (chiếm 42,8%); 3.141 công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên (chiếm 29,1%); 1.647 doanh nghiệp tư nhân (chiếm 15,2%) và 1.396 công ty cổ phần (chiếm 12,9%) và 3 công ty hợp danh.

Số doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động trong 11 tháng là 55.664 doanh nghiệp, tăng 3% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm 20.821 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, tăng 10,2% và 34.843 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động không đăng ký hoặc chờ giải thể, giảm 0,9%. Trong tổng số doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, có 8.823 công ty trách nhiệm hữu hạn 1 thành viên (chiếm 42,4%); 6.606 công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên (chiếm 31,7%); 3.563 công ty cổ phần (chiếm 17,1%); 1.826 doanh nghiệp tư nhân (chiếm 8,8%) và 3 công ty hợp danh. Đối với doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động không đăng ký hoặc chờ giải thể, có 15.412 công ty trách nhiệm hữu hạn 1 thành viên (chiếm 44,2%); 10.191 công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên (chiếm 29,3%); 6.784 công ty cổ phần (chiếm 19,5%) và 2.456 doanh nghiệp tư nhân (chiếm 7%).

4. Đầu tư

Tình hình thực hiện vốn đầu tư từ nguồn ngân sách Nhà nước trong những tháng cuối năm có chuyển biến tích cực. Các Bộ, ngành, địa phương khẩn trương thực hiện các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân các công trình, dự án đầu tư. Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước tháng Mười Một ước tính đạt 31,4 nghìn tỷ đồng, bao gồm: Vốn trung ương 6,6 nghìn tỷ đồng; vốn địa phương 24,8 nghìn tỷ đồng. Tính chung 11 tháng năm nay, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước đạt 252,8 nghìn tỷ đồng, bằng 82,9% kế hoạch năm và tăng 7,7% so với cùng kỳ năm 2016, gồm có:

- Vốn trung ương quản lý đạt 56,9 nghìn tỷ đồng, bằng 80,5% kế hoạch năm và tăng 4% so với cùng kỳ năm trước, trong đó vốn đầu tư thực hiện của Bộ Giao thông Vận tải đạt 27 nghìn tỷ đồng, bằng 85,4% và tăng 34%; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn 5.364 tỷ đồng, bằng 86,1% và giảm 15,6%; Bộ Y tế 3.285 tỷ đồng, bằng 63,9% và tăng 29,1%; Bộ Giáo dục và Đào tạo 535 tỷ đồng, bằng 75,1% và giảm 71,3%; Bộ Tài nguyên và Môi trường 420 tỷ đồng, bằng 70,7% và giảm 31,2%; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch 417 tỷ đồng, bằng 71% và giảm 16,7%; Bộ Xây dựng 410 tỷ đồng, bằng 84,8% và giảm 50,8%; Bộ Công Thương 218 tỷ đồng, bằng 89,2% và giảm 46,3%; Bộ Thông tin và Truyền thông 88 tỷ đồng, bằng 90,8% và giảm 22,8%; Bộ Khoa học và Công nghệ 84 tỷ đồng, bằng 88,3% và giảm 63,3%.

- Vốn địa phương quản lý đạt 195,9 nghìn tỷ đồng, bằng 83,6% kế hoạch năm và tăng 8,8% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh đạt 134,2 nghìn tỷ đồng, bằng 77,7% và tăng 5,7%; vốn ngân sách Nhà nước cấp huyện đạt 51,4 nghìn tỷ đồng, bằng 97,5% và tăng 17,4%; vốn ngân sách Nhà nước cấp xã đạt 10,3 nghìn tỷ đồng, bằng 118,2% và tăng 9,7%. Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước của một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương như sau: Hà Nội đạt 29,9 nghìn tỷ đồng, bằng 92,3% kế hoạch năm và tăng 4,4% so với cùng kỳ năm trước; thành phố Hồ Chí Minh 17,9 nghìn tỷ đồng, bằng 52,5% và tăng 12,2%; Quảng Ninh 7.308 tỷ đồng, bằng 99,9% và tăng 17,4%; Hải Phòng 6.502 tỷ đồng, bằng 88,5% và tăng 66,9%; Bình Dương 6.198 tỷ đồng, bằng 86,6% và tăng 11,5%; Nghệ An 5.934 tỷ đồng, bằng 90,7% và tăng 15,1%; Vĩnh Phúc 5.532 tỷ đồng, bằng 92,2% và tăng 16,1%; Thanh Hóa 4.326 tỷ đồng, bằng 90,5% và tăng 10,3%; Cần Thơ 4.270 tỷ đồng, bằng 90,6% và tăng 41,1%.

Đầu tư trực tiếp của nước ngoài từ đầu năm đến thời điểm 20/11/2017 thu hút 2.293 dự án cấp phép mới với số vốn đăng ký đạt 19,8 tỷ USD, tăng 2,4% về số dự án và tăng 52% về vốn đăng ký so với cùng kỳ năm 2016. Bên cạnh

đó, có 1.100 lượt dự án đã cấp phép từ các năm trước đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư với số vốn tăng thêm đạt 8 tỷ USD, tăng 57,6% so với cùng kỳ năm trước, nâng tổng số vốn đăng ký cấp mới và vốn tăng thêm trong 11 tháng năm 2017 lên 27,8 tỷ USD, tăng 53,5% so với cùng kỳ năm 2016.

Trong 11 tháng năm nay còn có 4.535 lượt góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài với tổng giá trị góp vốn là 5,3 tỷ USD. Như vậy, tính chung tổng vốn đăng ký của các dự án cấp mới, cấp vốn bổ sung và đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần 11 tháng đạt 33,1 tỷ USD, tăng 53,4% so với cùng kỳ năm trước. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện 11 tháng ước tính đạt 16 tỷ USD, tăng 11,9% so với cùng kỳ năm 2016.

Trong 11 tháng, ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài lớn nhất với số vốn đăng ký của các dự án được cấp phép mới đạt 8,4 tỷ USD, chiếm 42,3% tổng vốn đăng ký cấp mới; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 6,3 tỷ USD, chiếm 31,7%; các ngành còn lại đạt 5,1 tỷ USD, chiếm 26%. Nếu tính cả vốn đăng ký bổ sung của các dự án đã cấp phép từ các năm trước và góp vốn, mua cổ phần thì tổng vốn đầu tư nước ngoài vào ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong 11 tháng năm nay đạt 14,9 tỷ USD, chiếm 45,2% tổng vốn đăng ký; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí đạt 8,4 tỷ USD, chiếm 25,3%; các ngành còn lại đạt 9,8 tỷ USD, chiếm 29,5%.

Trong 11 tháng năm nay, cả nước có 58 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài được cấp phép mới, trong đó Thanh Hóa có số vốn đăng ký lớn nhất với 3.146,8 triệu USD, chiếm 15,9% tổng vốn đăng ký cấp mới; tiếp đến là Khánh Hòa 2.583,6 triệu USD, chiếm 13,1%; Nam Định 2.130,1 triệu USD, chiếm 10,8%; thành phố Hồ Chí Minh 1.932,5 triệu USD, chiếm 9,8%; Kiên Giang 1.342,3 triệu USD, chiếm 6,8%; Bình Dương 1.304,8 triệu USD, chiếm 6,6%; Hà Nội 1.073,5 triệu USD, chiếm 5,4%; Tây Ninh 719,4 triệu USD, chiếm 3,6%; Bắc Giang 602,3 triệu USD, chiếm 3%; Đồng Nai 586,2 triệu USD, chiếm 3%; Hưng Yên 352,3 triệu USD, chiếm 1,8%.

Trong số 79 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư được cấp phép mới tại Việt Nam trong 11 tháng, Nhật Bản là nhà đầu tư lớn nhất với 7.659,1 triệu USD, chiếm 38,7% tổng vốn đăng ký cấp mới; tiếp đến là Hàn Quốc 3.789,6 triệu USD, chiếm 19,1%; Xin-ga-po 3.248,3 triệu USD, chiếm 16,4%; Trung Quốc 1.352,7 triệu USD, chiếm 6,8%; Đặc khu Hành chính Hồng Kông (TQ) 679,3 triệu USD, chiếm 3,4%; CHLB Đức 337,5 triệu USD, chiếm 1,7%.

5. Thu, chi ngân sách Nhà nước

Tổng thu ngân sách Nhà nước từ đầu năm đến thời điểm 15/11/2017 ước tính đạt 999,1 nghìn tỷ đồng, bằng 82,4% dự toán năm, trong đó thu nội địa đạt 790,4 nghìn tỷ đồng, bằng 79,8%; thu từ dầu thô 39,5 nghìn tỷ đồng, bằng 103,2%; thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất, nhập khẩu 164,8 nghìn tỷ đồng, bằng 91,5%. Trong thu nội địa, thu tiền sử dụng đất đạt 92,1 nghìn tỷ đồng, bằng 144,5% dự toán năm; thu thuế thu nhập cá nhân 68,6 nghìn tỷ đồng, bằng 84,7%; thu thuế bảo vệ môi trường 35,9 nghìn tỷ đồng, bằng 79,6%; thu thuế công, thương nghiệp và dịch vụ ngoài Nhà nước 152,3 nghìn tỷ đồng, bằng 78,3%; thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (không kể dầu thô) 139,8 nghìn tỷ đồng, bằng 69,5%; thu từ khu vực doanh nghiệp Nhà nước 184,7 nghìn tỷ đồng, bằng 64,5%.

Tổng chi ngân sách Nhà nước từ đầu năm đến thời điểm 15/11/2017 ước tính đạt 1.065,7 nghìn tỷ đồng, bằng 76,6% dự toán năm, trong đó chi thường xuyên đạt 773 nghìn tỷ đồng, bằng 86,2%; chi trả nợ lãi 84,7 nghìn tỷ đồng, bằng 85,7%; riêng chi đầu tư phát triển đạt 203,1 nghìn tỷ đồng, chỉ bằng 56,9% dự toán năm (trong đó chi đầu tư xây dựng cơ bản đạt 198,1 nghìn tỷ đồng, bằng 56,2%). Chi trả nợ gốc từ đầu năm đến thời điểm 15/11/2017 ước tính đạt 145,7 nghìn tỷ đồng, bằng 88,9% dự toán năm.

6. Thương mại, giá cả, vận tải và du lịch

a. Bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

Hoạt động bán lẻ và kinh doanh dịch vụ tiếp tục xu hướng tăng khá so với cùng kỳ năm trước. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng Mười Một ước tính đạt 344,8 nghìn tỷ đồng, tăng 1,8% so với tháng trước và tăng 11,7% so với cùng kỳ năm 2016, trong đó: Doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 258,3 nghìn tỷ đồng, tăng 1,7% và tăng 12,3%; doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống đạt 41,8 nghìn tỷ đồng, tăng 2,2% và tăng 7,3%; doanh thu du lịch lữ hành đạt 3,5 nghìn tỷ đồng, tăng 2,3% và tăng 22,5%; doanh thu dịch vụ khác đạt 41,2 nghìn tỷ đồng, tăng 1,7% và tăng 11,3%. Tính chung 11 tháng, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước tính đạt 3.600,7 nghìn tỷ đồng, tăng 10,7% so với cùng kỳ năm trước, nếu loại trừ yếu tố giá tăng 9,5% (cùng kỳ năm 2016 tăng 8,9%).

Xét theo ngành hoạt động, doanh thu bán lẻ hàng hóa 11 tháng ước tính đạt 2.697,5 nghìn tỷ đồng, chiếm 74,9% tổng mức và tăng 10,8% so với cùng kỳ năm trước, trong đó doanh thu bán lẻ ô tô tăng 17,8%; đá quý, kim loại quý tăng 15,2%; hàng gỗ và vật liệu xây dựng tăng 12,5%; xăng dầu các loại tăng 11,8%; lương thực, thực phẩm tăng 10,4%; vật phẩm văn hoá, giáo dục tăng 9,7%; may

mặc tăng 9,2%; đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình tăng 8,2%; phương tiện đi lại tăng 8,5%. Một số địa phương có mức tăng khá: Quảng Ninh tăng 19,2%; Bình Dương tăng 18,7%; Lào Cai tăng 18,5%; Bình Phước tăng 17,9%; Gia Lai tăng 16,3%; Long An tăng 16,1%; Hà Nam tăng 15,9%; Thanh Hóa tăng 14,7%; Vĩnh Phúc tăng 14,2%; Bắc Giang tăng 14,2%; Bạc Liêu tăng 13,4%.

Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống 11 tháng ước tính đạt 445,3 nghìn tỷ đồng, chiếm 12,4% tổng mức và tăng 11,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó doanh thu của Thanh Hóa tăng 16,7%; Bà Rịa - Vũng Tàu tăng 13,1%; Lâm Đồng tăng 11,9%; Hà Nội tăng 9,8%; thành phố Hồ Chí Minh tăng 8,3%.

Doanh thu du lịch lữ hành 11 tháng năm nay ước tính đạt 33,7 nghìn tỷ đồng, chiếm 0,9% tổng mức và tăng 16,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó doanh thu của Thanh Hóa tăng 20,3%; Khánh Hòa tăng 19,3%; thành phố Hồ Chí Minh tăng 18,4%; Hải Phòng tăng 17,6%; Hà Nội tăng 11,5%.

Doanh thu dịch vụ khác 11 tháng ước tính đạt 424,2 nghìn tỷ đồng, chiếm 11,8% tổng mức và tăng 9,6% so với cùng kỳ năm 2016. Một số địa phương có doanh thu tăng khá: Thanh Hóa tăng 17,8%; Khánh Hòa tăng 15,5%; Lâm Đồng tăng 12,4%; Bắc Giang tăng 11,7%; thành phố Hồ Chí Minh tăng 10,5%; Thái Bình tăng 9,2%; Hà Nội tăng 5,6%.

b. Xuất, nhập khẩu hàng hóa

Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu thực hiện tháng Mười đạt 20.292 triệu USD, cao hơn 892 triệu USD so với số ước tính, là tháng có kim ngạch cao nhất kể từ đầu năm, trong đó điện thoại và linh kiện cao hơn 257 triệu USD; giày dép cao hơn 132 triệu USD; phương tiện vận tải và phụ tùng cao hơn 111 triệu USD; điện tử, máy tính và linh kiện cao hơn 102 triệu USD; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng cao hơn 85 triệu USD; sắt thép cao hơn 61 triệu USD; thủy sản cao hơn 56 triệu USD; gạo cao hơn 56 triệu USD; gỗ và sản phẩm gỗ cao hơn 26 triệu USD; dầu thô cao hơn 15 triệu USD; than đá thấp hơn 11 triệu USD; hóa chất thấp hơn 10 triệu USD; cao su thấp hơn 9 triệu USD.

Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu tháng Mười Một ước tính đạt 19,2 tỷ USD, giảm 5,4% so với tháng trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 5,0 tỷ USD, giảm 2,2%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 14,2 tỷ USD, giảm 6,5%. Một số mặt hàng xuất khẩu có kim ngạch giảm so với tháng trước: Sắt thép giảm 25,4% (lượng giảm 27,4%); gạo giảm 15,5% (lượng giảm 13,1%); điện thoại và linh kiện giảm 14,4%; phương tiện vận tải và phụ tùng giảm 13,4%; thủy sản giảm 12,4%; hạt điều giảm 6,4% (lượng giảm 4,7%); dệt, may giảm 3,5%. Bên cạnh đó, một số mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu tăng: Than đá tăng 53,3% (lượng tăng 50,4%); rau quả tăng 20,7%; xăng dầu tăng

13% (lượng tăng 8,4%); hóa chất tăng 9,5%; cao su tăng 7,1% (lượng tăng 11,5%). So với cùng kỳ năm trước, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu tháng 11/2017 tăng 19,2%, trong đó khu vực kinh tế trong nước tăng 16,3%, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) tăng 20,3%. Một số mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu tăng cao so với cùng kỳ năm 2016: Điện thoại và linh kiện tăng 37,7%; điện tử, máy tính và linh kiện tăng 28,7%.

Tính chung 11 tháng năm nay, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu ước tính đạt 193,8 tỷ USD, tăng 21,1% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 53,1 tỷ USD, tăng 16,8%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 140,7 tỷ USD, tăng 22,8%. Kim ngạch xuất khẩu một số mặt hàng chủ lực tiếp tục tăng khá so với cùng kỳ năm trước: Điện thoại và linh kiện đạt 41,3 tỷ USD, tăng 30,6%; điện tử, máy tính và linh kiện đạt 23,6 tỷ USD, tăng 38,1%; dệt may đạt 23,6 tỷ USD, tăng 9,5%; giày dép đạt 13 tỷ USD, tăng 11,6%; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng đạt 11,5 tỷ USD, tăng 27%; thủy sản đạt 7,6 tỷ USD, tăng 18,7%; gỗ và sản phẩm gỗ đạt 6,9 tỷ USD, tăng 10,5%; phương tiện vận tải và phụ tùng đạt 6,4 tỷ USD, tăng 16,2%; hạt điều đạt 3,2 tỷ USD, tăng 23,3% (lượng tăng 1,1%); rau quả đạt 3,2 tỷ USD, tăng 43,1%. Một số mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu giảm so với cùng kỳ năm trước: Cà phê đạt 2,9 tỷ USD, giảm 3,6% (lượng giảm 22,4%); hạt tiêu đạt 1,1 tỷ USD, giảm 21,4% (lượng tăng 20,5%); sắn và sản phẩm của sắn đạt 896 triệu USD, giảm 1,2% (lượng tăng 3,9%).

Về thị trường hàng hóa xuất khẩu 11 tháng, Hoa Kỳ vẫn là thị trường dẫn đầu với 38,1 tỷ USD, tăng 9,5% so với cùng kỳ năm 2016; tiếp đến là EU đạt 35 tỷ USD, tăng 13,9%; Trung Quốc đạt 30,3 tỷ USD, tăng 54,2%; thị trường ASEAN đạt 19,8 tỷ USD, tăng 25,8%; Nhật Bản đạt 15,2 tỷ USD, tăng 14,9%; Hàn Quốc đạt 13,6 tỷ USD, tăng 30,4%.

Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu thực hiện tháng 10/2017 đạt 18.111 triệu USD, thấp hơn 389 triệu USD so với số ước tính, trong đó: Điện tử, máy tính và linh kiện thấp hơn 328 triệu USD; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng thấp hơn 70 triệu USD; kim loại thường thấp hơn 35 triệu USD; chất dẻo thấp hơn 18 triệu USD; sắt thép thấp hơn 10 triệu USD; phân bón cao hơn 27 triệu USD; tân dược cao hơn 20 triệu USD; vải cao hơn 17 triệu USD.

Ước tính tháng Mười Một, kim ngạch hàng hóa nhập khẩu đạt 19,0 tỷ USD, tăng 4,9% so với tháng trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 7,6 tỷ USD, tăng 7,1%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 11,4 tỷ USD, tăng 3,5%. Kim ngạch một số mặt hàng nhập khẩu phục vụ sản xuất tăng: Kim loại thường tăng 14%; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng tăng 12,6%; điện tử, máy tính và linh kiện tăng 7%; sắt thép tăng 6,1%; vải tăng 5,3%; sản phẩm chất dẻo tăng 5,2%; xăng dầu tăng 4,7%. Một số mặt hàng có kim ngạch nhập khẩu

giảm: Tân được giảm 15,2%; điện thoại và linh kiện giảm 15,7%. So với cùng kỳ năm trước, kim ngạch hàng hóa nhập khẩu tháng Mười Một tăng 15,8%, trong đó khu vực kinh tế trong nước tăng 10%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 20%. Một số mặt hàng có kim ngạch nhập khẩu tăng cao so với cùng kỳ năm trước: Điện thoại và linh kiện tăng 58%; điện tử, máy tính và linh kiện tăng 38,1%; kim loại thường tăng 26%; xăng dầu tăng 25,2%.

Tính chung 11 tháng năm 2017, kim ngạch hàng hoá nhập khẩu ước tính đạt 191,0 tỷ USD, tăng 21% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 76,5 tỷ USD, tăng 17,9%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 114,5 tỷ USD, tăng 23,2%. Kim ngạch nhập khẩu một số mặt hàng phục vụ sản xuất trong nước tăng so với cùng kỳ năm trước: Điện tử, máy tính và linh kiện đạt 34 tỷ USD, tăng 34%; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng đạt 30,7 tỷ USD, tăng 20,7%; điện thoại và linh kiện đạt 14,4 tỷ USD, tăng 50,2%; vải đạt 10,3 tỷ USD, tăng 8%; sắt thép đạt 8,3 tỷ USD, tăng 14,3% (lượng giảm 16,7%); chất dẻo đạt 6,7 tỷ USD, tăng 17,8% (lượng tăng 9%); xăng dầu đạt 6,3 tỷ USD, tăng 39,3% (lượng tăng 9,9%); nguyên phụ liệu dệt may, giày dép đạt 5 tỷ USD, tăng 8,1%; kim loại thường đạt 5 tỷ USD, tăng 13,9% (lượng giảm 19,2%); sản phẩm chất dẻo đạt 4,9 tỷ USD, tăng 22,3%; sản phẩm hóa chất đạt 4,1 tỷ USD, tăng 19,8%; hóa chất đạt 3,7 tỷ USD, tăng 27%; bông đạt 2,2 tỷ USD, tăng 44,6% (lượng tăng 26,2%).

Về thị trường hàng hóa nhập khẩu 11 tháng năm 2017, Trung Quốc vẫn là thị trường nhập khẩu lớn nhất của nước ta với kim ngạch đạt 52,1 tỷ USD, tăng 15,5% so với cùng kỳ năm trước⁸; tiếp đến là Hàn Quốc đạt 42,4 tỷ USD, tăng 46%⁹; ASEAN đạt 25,4 tỷ USD, tăng 17,5%; Nhật Bản đạt 14,7 tỷ USD, tăng 7,5%; EU đạt 11 tỷ USD, tăng 10,5%; Hoa Kỳ đạt 8,4 tỷ USD, tăng 7%.

Cán cân thương mại hàng hóa thực hiện tháng Mười xuất siêu 2,2 tỷ USD¹⁰. Tháng Mười Một ước tính xuất siêu 200 triệu USD, tính chung 11 tháng năm 2017 xuất siêu 2,8 tỷ USD, trong đó khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 23,4 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài xuất siêu 26,2 tỷ USD.

c. Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và chỉ số giá đô la Mỹ

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 11/2017 tăng 0,13% so với tháng trước, trong đó nhóm giao thông tăng cao nhất với 0,68% do ảnh hưởng từ đợt điều chỉnh tăng giá xăng, dầu vào thời điểm 4/11/2017 và 20/11/2017 (tác động làm CPI tăng khoảng 0,07%); nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,2%, trong đó dịch vụ y tế tăng 0,23% do trong tháng có 2 tỉnh thực hiện điều chỉnh tăng giá dịch

⁸ Nhập siêu từ Trung Quốc 11 tháng năm 2017 là 21,8 tỷ USD, giảm 14,3% so với cùng kỳ năm 2016.

⁹ Nhập siêu từ Hàn Quốc 11 tháng năm 2017 là 28,8 tỷ USD, tăng 54,8% so với cùng kỳ năm 2016.

¹⁰ Ước tính xuất siêu 900 triệu USD.

vụ y tế cho đối tượng không có thẻ bảo hiểm y tế; nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,15%; hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,14%. Các nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá tăng thấp hơn mức tăng chung hoặc giảm: Hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,11% (lương thực tăng 1,12%¹¹; thực phẩm giảm 0,06%¹²); thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,09%; đồ uống và thuốc lá tăng 0,05%; giáo dục tăng 0,03% (dịch vụ giáo dục tăng 0,04%); văn hóa, giải trí và du lịch giảm 0,01%; bưu chính viễn thông giảm 0,03%; nhà ở và vật liệu xây dựng giảm 0,04%¹³.

Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 11 tháng năm nay tăng 3,61% so với bình quân cùng kỳ năm 2016; CPI tháng 11/2017 tăng 2,38% so với tháng 12/2016 và tăng 2,62% so với cùng kỳ năm 2016.

Lạm phát cơ bản tháng 11/2017 tăng 0,06% so với tháng trước và tăng 1,28% so với cùng kỳ năm trước. Lạm phát cơ bản bình quân 11 tháng tăng 1,42% so với bình quân cùng kỳ năm 2016.

Chỉ số giá vàng tháng 11/2017 giảm 0,3% so với tháng trước; tăng 4,86% so với tháng 12/2016 và tăng 2,22% so với cùng kỳ năm trước. Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 11/2017 giảm 0,01% so với tháng trước; giảm 0,07% so với tháng 12/2016 và tăng 1,45% so với cùng kỳ năm 2016.

d. Vận tải hành khách và hàng hóa

Vận tải hành khách tháng Mười Một ước tính đạt 355,1 triệu lượt khách, tăng 1,1% so với tháng trước và 16 tỷ lượt khách.km, tăng 3,5%. Tính chung 11 tháng, vận tải hành khách đạt 3.717,2 triệu lượt khách, tăng 10,8% so với cùng kỳ năm trước và 165,9 tỷ lượt khách.km, tăng 8,9%, trong đó vận tải hành khách đường bộ đạt 3.502,9 triệu lượt khách, tăng 11,2% và 113,5 tỷ lượt khách.km, tăng 8,4%; đường thủy nội địa đạt 157,7 triệu lượt khách, tăng 3,5% và 2,9 tỷ lượt khách.km, tăng 8,6%; đường biển đạt 6,2 triệu lượt khách, tăng 12,7% và 331,3 triệu lượt khách.km, tăng 17,1%. Vận tải bằng đường hàng không tăng khá, đạt 41,6 triệu lượt khách, tăng 13,8% và 45,7 tỷ lượt khách.km, tăng 10,3% do các hãng hàng không trong nước đẩy mạnh khai thác thị trường nội địa. Vận tải đường sắt đạt 8,8 triệu lượt khách, giảm 3,7% và 3,4 tỷ lượt khách.km, tăng 6,6% so với cùng kỳ năm 2016 do giá vé tàu chưa cạnh tranh được với hàng không giá rẻ và vận tải ô tô đường bộ.

¹¹ Do ảnh hưởng của mưa, lũ làm tăng giá gạo ở các tỉnh phía Bắc và nhu cầu cho hợp đồng xuất khẩu gạo tăng ở các tỉnh phía Nam.

¹² Chủ yếu do giá thịt lợn giảm 1,78% so với tháng trước, mặc dù giá thủy hải sản tươi sống và rau tươi, rau chế biến tăng (lần lượt tăng 0,83% và tăng 1,96%) do ảnh hưởng mưa bão đầu tháng 11 tại các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên.

¹³ Chủ yếu do trong tháng mưa nhiều, thời tiết chuyển lạnh ở các tỉnh phía Bắc nên nhu cầu tiêu dùng điện giảm, khiến giá điện giảm 0,69% và giá mặt hàng sắt, thép tại các nhà máy trong nước điều chỉnh giảm 300-700 đồng/kg, làm cho giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở giảm 0,05%.

Vận tải hàng hóa tháng Mười Một ước tính đạt 125,2 triệu tấn, tăng 1,6% so với tháng trước và 23,5 tỷ tấn.km, tăng 1,7%. Tính chung 11 tháng, vận tải hàng hóa đạt 1.314,7 triệu tấn, tăng 10,3% so với cùng kỳ năm trước và 244,9 tỷ tấn.km, tăng 7%, trong đó vận tải trong nước đạt 1.284,6 triệu tấn, tăng 10,6% và 123,8 tỷ tấn.km, tăng 12,2%; vận tải ngoài nước đạt 30,2 triệu tấn, tăng 0,5% và 121,1 tỷ tấn.km, tăng 2,1%. Xét theo ngành vận tải, đường bộ đạt 1.019 triệu tấn, tăng 10,9% và 65,5 tỷ tấn.km, tăng 11,4% so với cùng kỳ năm trước; đường thủy nội địa đạt 227 triệu tấn, tăng 7,9% và 48,2 tỷ tấn.km, tăng 8,3%; đường biển đạt 63,4 triệu tấn, tăng 9,8% và 127,1 tỷ tấn.km, tăng 4,3%; đường sắt đạt 5 triệu tấn, tăng 7,3% và 3,2 tỷ tấn.km, tăng 9,8%; đường hàng không đạt 289,8 nghìn tấn, tăng 7,8% và 748,3 triệu tấn.km, tăng 8,6%.

e. Khách quốc tế đến Việt Nam

Khách quốc tế đến nước ta trong tháng Mười Một ước tính đạt 1.172,6 nghìn lượt người, tăng 14,4% so với tháng trước do ngoài các hoạt động thường kỳ, trong tháng Việt Nam đã tổ chức thành công Hội nghị APEC 2017, đồng thời đây cũng là tháng thứ 8 tính từ đầu năm có lượng khách đến nước ta đạt trên 1 triệu lượt người. So với cùng kỳ năm trước, khách quốc tế đến nước ta trong tháng Mười Một tăng 25,2%, trong đó khách đến từ châu Á tăng 30,6%; từ châu Âu tăng 9,6%; từ châu Mỹ tăng 15,7%; từ châu Úc tăng 18,2%; từ châu Phi tăng 14%.

Tính chung 11 tháng năm nay, khách quốc tế đến nước ta ước tính đạt 11.645,8 nghìn lượt người, tăng 27,8% so với cùng kỳ năm 2016, trong đó khách đến bằng đường hàng không đạt 9.881,4 nghìn lượt người, tăng 31%; đến bằng đường bộ đạt 1.533,9 nghìn lượt người, tăng 16,2%; đến bằng đường biển đạt 230,5 nghìn lượt người, giảm 7,7%.

Trong 11 tháng, khách đến từ châu Á đạt 8.765 nghìn lượt người, tăng 32,6% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khách đến từ hầu hết các thị trường chính đều tăng: Khách đến từ Trung Quốc đạt 3.594,4 nghìn lượt người, tăng 44,9%; Hàn Quốc 2.158,1 nghìn lượt người, tăng 55,3%; Nhật Bản 729 nghìn lượt người, tăng 7,7%; Đài Loan 562,3 nghìn lượt người, tăng 20,9%; Ma-lai-xi-a 418,6 nghìn lượt người, tăng 16,5%; Thái Lan 268,3 nghìn lượt người, tăng 12,1%; Xin-ga-po 239,7 nghìn lượt người, tăng 7,4%.

Khách đến từ châu Âu ước tính đạt 1.718,5 nghìn lượt người, tăng 17% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Khách đến từ Liên bang Nga 517,2 nghìn lượt người, tăng 34,8%; Vương quốc Anh 262,1 nghìn lượt người, tăng 11,3%; Pháp 235,4 nghìn lượt người, tăng 6,7%; Đức 183,3 nghìn lượt người, tăng 14,1%; Hà Lan 66,5 nghìn lượt người, tăng 11,7%; Tây Ban Nha 64,4 nghìn lượt người, tăng 19,8%; I-ta-li-a 53,2 nghìn lượt người, tăng 12,8%.

Khách đến từ châu Mỹ đạt 745,5 nghìn lượt người, tăng 10,9% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khách đến từ Hoa Kỳ đạt 560,3 nghìn lượt người, tăng 10,7%. Khách đến từ châu Úc đạt 384,9 nghìn lượt người, tăng 13,7%, trong đó khách đến từ Ôx-trây-li-a đạt 337,5 nghìn lượt người, tăng 14,9%. Khách đến từ châu Phi đạt 31,9 nghìn lượt người, tăng 27,1% so với cùng kỳ năm 2016.

7. Một số tình hình xã hội

a. Thiếu đói trong nông dân

Trong tháng Mười Một, cả nước có gần 10,5 nghìn hộ thiếu đói, tăng 10,5% so với cùng kỳ năm trước, tương ứng với 42,6 nghìn nhân khẩu thiếu đói, tăng 6,5%. Tính chung 11 tháng năm nay, cả nước có 175,6 nghìn lượt hộ thiếu đói, giảm 33,2% so với cùng kỳ năm trước, tương ứng với 720,7 nghìn lượt nhân khẩu thiếu đói, giảm 33,8%. Để khắc phục tình trạng thiếu đói, từ đầu năm đến nay, các cấp, các ngành, các tổ chức từ Trung ương đến địa phương đã hỗ trợ các hộ thiếu đói 21,7 nghìn tấn lương thực và hơn 1,1 tỷ đồng.

b. Tình hình dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm

Trong tháng 11/2017, cả nước có 15,2 nghìn trường hợp mắc bệnh sốt xuất huyết; 13,4 nghìn trường hợp mắc bệnh tay chân miệng; 40 trường hợp mắc bệnh thương hàn; 64 trường hợp mắc bệnh viêm não vi rút (1 trường hợp tử vong); 20 trường hợp mắc bệnh viêm màng não do não mô cầu; 10 trường hợp mắc bệnh viêm não Nhật Bản (2 trường hợp tử vong); 2 trường hợp nhiễm vi rút Zika; 9 trường hợp mắc bệnh ho gà; 10 trường hợp mắc bệnh liên cầu lợn ở người (1 trường hợp tử vong). Tính chung 11 tháng, cả nước có 163,7 nghìn trường hợp mắc bệnh sốt xuất huyết (30 trường hợp tử vong); gần 95 nghìn trường hợp mắc bệnh tay chân miệng; 574 trường hợp mắc bệnh thương hàn; 680 trường hợp mắc bệnh viêm não vi rút (22 trường hợp tử vong); 51 trường hợp mắc bệnh viêm màng não do não mô cầu (3 trường hợp tử vong); 213 trường hợp mắc bệnh viêm não Nhật Bản (10 trường hợp tử vong); 34 trường hợp nhiễm vi rút Zika; 552 trường hợp mắc bệnh ho gà (5 trường hợp tử vong) và 157 trường hợp mắc bệnh liên cầu lợn ở người (13 trường hợp tử vong).

Tính đến thời điểm 17/11/2017, tổng số người nhiễm HIV của cả nước hiện còn sống là 209,7 nghìn người và số trường hợp đã chuyển sang giai đoạn AIDS là 90,3 nghìn người; số người tử vong do HIV/AIDS của cả nước tính đến thời điểm trên là 93,6 nghìn người.

Về ngộ độc thực phẩm, trong tháng đã xảy ra 9 vụ với 295 người bị ngộ độc, trong đó 2 trường hợp tử vong. Tính từ 18/12/2016 đến 17/11/2017, trên địa bàn cả nước xảy ra 102 vụ ngộ độc thực phẩm nghiêm trọng, làm 3.169 người bị ngộ độc, trong đó 22 trường hợp tử vong.

c. Tai nạn giao thông

Trong tháng (từ 16/10 đến 15/11), trên địa bàn cả nước đã xảy ra 2.217 vụ tai nạn giao thông, bao gồm 1.012 vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên và 1.205 vụ va chạm giao thông, làm 777 người chết, 602 người bị thương và 1.306 người bị thương nhẹ. So với cùng kỳ năm trước, số vụ tai nạn giao thông tháng Mười Một tăng 1,7% (Số vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên tăng 1,4% và số vụ va chạm giao thông tăng 1,9%); số người chết giảm 1,3%; số người bị thương giảm 4,9% và số người bị thương nhẹ giảm 2%.

Tính chung 11 tháng năm 2017, trên địa bàn cả nước đã xảy ra 18.384 vụ tai nạn giao thông, bao gồm 8.906 vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên và 9.478 vụ va chạm giao thông, làm 7.604 người chết, 4.654 người bị thương và 10.535 người bị thương nhẹ. So với cùng kỳ năm trước, số vụ tai nạn giao thông trong 11 tháng năm nay giảm 5,4% (Số vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên giảm 3,9%; số vụ va chạm giao thông giảm 6,7%); số người chết giảm 3,8%; số người bị thương giảm 14,5% và số người bị thương nhẹ giảm 10,3%. Trong tổng số 8.906 vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên 11 tháng qua, có 8.651 vụ (chiếm 97,1%) xảy ra trên đường bộ, làm 7.427 người chết và 4.592 người bị thương; tai nạn giao thông đường sắt có 144 vụ, làm 125 người chết và 42 người bị thương; tai nạn giao thông đường thủy và hàng hải có 111 vụ, làm 52 người chết và 20 người bị thương. Bình quân 1 ngày trong 11 tháng năm 2017, trên địa bàn cả nước xảy ra 55 vụ tai nạn giao thông, gồm 27 vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên và 28 vụ va chạm giao thông, làm 23 người chết, 14 người bị thương và 31 người bị thương nhẹ.

d. Thiệt hại do thiên tai

Trong tháng 11/2017, mưa lớn, bão, lũ, giông lốc, sét đánh, triều cường xảy ra đã gây thiệt hại nghiêm trọng về người và tài sản cho nhiều địa phương trong cả nước. Theo báo cáo sơ bộ, thiên tai làm 109 người chết, mất tích và 374 người bị thương; hơn 3,7 nghìn ngôi nhà bị sập đổ, cuốn trôi và 298,6 nghìn ngôi nhà bị ngập, sạt lở, tốc mái; 10,4 nghìn ha lúa và 30,4 nghìn ha hoa màu bị ngập, hư hỏng. Tổng giá trị thiệt hại do thiên tai gây ra trong tháng ước tính khoảng 22,1 nghìn tỷ đồng. Phần lớn thiệt hại trong tháng là do cơn bão số 12, cơn bão lớn nhất trong vòng 20 năm qua xảy ra tại Nam Trung Bộ. Bão số 12 đã làm 108 người chết, mất tích và 364 người bị thương (trong đó tỉnh Khánh Hòa chịu thiệt hại nặng nhất với 45 người chết, mất tích và 299 người bị thương); hơn 3,7 nghìn ngôi nhà bị sập đổ, 155,5 nghìn ngôi nhà bị ngập nước và 143 nghìn ha hoa màu bị hư hỏng, sạt lở, tốc mái; hơn 10,3 nghìn ha lúa và 30,3 nghìn ha hoa màu bị ngập, hư hỏng; 510 con trâu, bò và 8,5 nghìn con lợn,

745 nghìn con gia cầm bị chết; thiệt hại hơn 3,3 nghìn ha nuôi trồng thủy hải sản; 1,8 nghìn chiếc thuyền bị chìm; 955 cây cầu bị phá hủy và hư hỏng; hơn 2,6 nghìn cột điện bị gãy đổ. Ước tính thiệt hại do cơn bão số 12 gây ra lên đến 22 nghìn tỷ đồng.

Tính chung 11 tháng năm 2017, thiên tai làm 390 người chết, mất tích và 657 người bị thương; 8,5 nghìn ngôi nhà bị sập đổ, cuốn trôi và 611,1 nghìn ngôi nhà bị ngập, sạt lở, tốc mái; gần 176 nghìn ha lúa và 133 nghìn ha hoa màu bị ngập, hư hỏng. Tổng giá trị thiệt hại do thiên tai gây ra trong 11 tháng ước tính khoảng 53,2 nghìn tỷ đồng. Theo báo cáo sơ bộ, tổng số tiền mặt cứu trợ các địa phương bị ảnh hưởng do thiên tai từ đầu năm đến nay là trên 700 tỷ đồng.

e. Bảo vệ môi trường và phòng chống cháy, nổ

Trong tháng 11/2017, cơ quan chức năng đã phát hiện 1.120 vụ vi phạm quy định về bảo đảm vệ sinh môi trường, trong đó xử lý 982 vụ với tổng số tiền phạt gần 13 tỷ đồng. Tính chung 11 tháng năm nay đã phát hiện 15.935 vụ vi phạm quy định về bảo vệ môi trường trên địa bàn cả nước, trong đó xử lý 13.321 vụ với tổng số tiền phạt gần 194,7 tỷ đồng.

Trong tháng Mười Một, cả nước xảy ra 295 vụ cháy, nổ, làm 14 người chết và 29 người bị thương, thiệt hại ước tính 243,2 tỷ đồng. Tính chung 11 tháng năm 2017, trên địa bàn cả nước xảy ra 3.759 vụ cháy, nổ, làm 99 người chết và 249 người bị thương, thiệt hại ước tính khoảng 1,7 nghìn tỷ đồng./.

TỔNG CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Bích Lâm